**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN**

**ỨNG VIÊN HĐQT**

Michael Chye Hin Fah

**1. Thông tin cá nhân**

* Họ và tên: Michael Chye Hin Fah
* Ngày tháng năm sinh: 02/05/1959
* Quốc tịch: Singapore

**2. Các chức vụ hiện nay:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Tổ chức** | **Vị trí***(Các vị trí trong HĐQT, Ban Điều hành/Ban Giám đốc)* | **Ngày tháng bắt đầu nắm giữ** |
| 1 | Marketing Magic Pte LtdDECCO 235Heritas Capital Management Pte Ltd Millennium Minerals Limited | Thành viên HĐQT không điều hành | 17/10/200201/09/201101/06/201230/05/2014 |
| 2 | IMC Pan Asia Alliance Corporation | Thành viên HĐQT không điều hành | 01/01/2017 |
| 3 | Prudence Holdings Limited | Thành viên HĐQT không điều hành | 01/01/2017 |
| 4 | Fraser and Neave, Limited | Thành viên HĐQT thay thế | 08/02/2017 |

**3. Trình độ chuyên môn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Trường/Nơi đào tạo** | **Bằng cấp** |
| 1978 - 1981 | Massey University, Palmerston North, New Zealand | Bằng cử nhân Kinh doanh học với Hạng nhất lớp trong lĩnh vực tài chính, kế toán |
| 1982 | Massey University, Palmerston North, New Zealand | Bằng cao học Kinh doanh học với Hạng xuất sắc trong lĩnh vực tài chính, kế toán |
| **Các chứng chỉ khác** |
| 08/03/1990 | Institute of Chartered Secretaries & Administrators (ACIS) | Thành viên liên kết của Institute of Chartered Secretaries & Administrators |
| 01/04/1999 | Singapore Institute of Directors (SID) | Thành viên Singapore Institute of Directors |
| 02/07/2013 | Singapore Chartered Accountants (FCA) | Thành viên Institute of Singapore Chartered Accountants |

**4. Quá trình công tác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức vụ** | **Tên tổ chức** |
| 02/1981 – 01/1982 | Trợ giảng | Tài chính và Kế toán, Massey University, New Zealand |
| 01/1982 – 01/1984 | Giảng viên, Kế toán và Tài chính | Massey University, New Zealand |
| 03/1984 – 02/1988 | Thanh tra/Kiểm tra viên/Kiểm tra cấp cao | Monetary Authority of Singapore |
| 03/1988 – 08/1991 | Giám đốc, Ngân quỹ và Hoạt động | Probo Pacific Limited |
| 08/1991 – 03/1995 | Phó Chủ tịch, Ngân quỹ, Hoạt động & Nội vụ | Probo Pacific Limited |
| 03/1995 – 03/1998 | Tổng giám đốc | Probo Pacific Limited |
| 03/1998 – 02/1999 | Giám đốc điều hành (tại Hong Kong) | London Forfaiting Asia Pacific Ltd |
| 03/1999 – 07/2000 | Phó Chủ tịch điều hành, Dịch vụ khối doanh nghiệp (tại Bangkok) | TCC Business Group |
| 03/1999 – 09/2002 | Tổng giám đốc | Pacific Capital International, Hong Kong |
| 10/2001 – 09/2002 | Thành viên HĐQT | Inver House Group, Scotland |
| 10/2002 – 07/2003 | Giám đốc điều hành khối hành chính (tại Singapore) | Carlsberg Asia Group |
| 04/1999 – 09/2010 | Giám đốc | Silvercord Capital (Singapore) Limited |
| 09/2005 – 01/2012 | Giám đốc điều hành tài chính | International Beverage Holdings Ltd Group |
| 09/2005 – 01/2012 | Giám đốc, Dịch vụ khối doanh nghiệp | InterBev (Singapore) Limited |
| 01/2012 – 01/2017 | Tổng giám đốc | IMC Investments Group |
| 01/2012 – 01/2017 | Giám đốc, Khối doanh nghiệp Tập đoàn | IMC Pan Asia Alliance Pte Ltd |
| 23/01/2017 – Hiện tại | Thành viên HĐQT | InterBev (Singapore) Limited |
| 23/01/2017 – Hiện tại | Giám đốc điều hành tài chính Tập đoàn | International Beverage Holdings Limited |
| 1/01/2017 – Hiện tại | Phó Chủ tịch điều hành | Thai Beverage Public Company Limited |

**5. Lợi ích liên quan đến công ty**

* Là đại diện của Cổ đông lớn: Giám đốc thay thế của Fraser và Neave, Limited - Công ty mẹ của F & N Dairy Investments Pte Ltd

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN**

**ỨNG VIÊN HĐQT**

Nguyễn Bá Dương

**1. Thông tin cá nhân**

* Họ và tên: Nguyễn Bá Dương
* Ngày tháng năm sinh: 22/04/1959
* Quốc tịch: Việt Nam

**2. Các chức vụ hiện nay:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Tổ chức** | **Vị trí***(Các vị trí trong HĐQT, Ban Điều hành/Ban Giám đốc)* | **Ngày tháng bắt đầu nắm giữ** |
| 1 | Công ty Cổ phần xây dựng Coteccons | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 2004 |
| 2 | Công ty Cổ phần xây dựng Unicons | Chủ tịch HĐQT | 2006 |
| 3 | Công ty Cổ phần xây dựng Ricons | Thành viên HĐQT | 2004 |

**3. Trình độ chuyên môn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Trường/Nơi đào tạo** | **Bằng cấp** |
| 1976 – 1977 | Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội | Ngoại ngữ |
| 1977 – 1984 | Đại học Xây dựng Kiev, Ukraine | Kiến trúc sư  |

**4. Quá trình công tác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức vụ** | **Tên tổ chức** |
| 1985 – 1988 | Chuyên gia | Xí nghiệp thiết kế số 1 – Viện Xây dựng – Bộ Công nghiệp |
| 1988 – 1990 | Chuyên gia | Phòng Xây dựng cơ bản – Công ty Giày Phú Lâm – Bộ Công nghiệp |
| 1990 – 2002 | Giám đốc Xí nghiệp, Phó Tổng Giám đốc | Công ty Xây dựng Công nghiệp nhẹ Số 2 – Bộ Công nghiệp |
| 2002 – 2004 | Phó Tổng Giám đốc | Công ty Kỹ thuật Xây dựng và VLXD (COTEC) |
| 2004 – Nay | Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  | Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons |

**5. Khen thưởng:**

* Top 10 Nhà lãnh đạo phát triển đội ngũ xuất sắc nhất Việt Nam.

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN**

**ỨNG VIÊN HĐQT**

Đặng Thị Thu Hà

**1. Thông tin cá nhân**

* Họ và tên: Đặng Thị Thu Hà
* Ngày tháng năm sinh: 18/10/1973
* Quốc tịch: Việt Nam

**2. Các chức vụ hiện nay:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Tổ chức** | **Vị trí***(Các vị trí trong HĐQT, Ban Điều hành/Ban Giám đốc)* | **Ngày tháng bắt đầu nắm giữ** |
| 1 | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước | Phó trưởng Ban Đầu tư 3 | Hiện nay |
| 2 | CTCP Nhựa Bình Minh | Thành viên HĐQT | 7/3/2016 |
| 3 | CTCP Tập đoàn Vinacontrol | Thành viên HĐQT độc lập | 08/04/2013 |
| 4 | CTCP Thuốc ung thư Benovas | Thành viên HĐQT | 20/03/2017 |

**3. Trình độ chuyên môn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Trường/Nơi đào tạo** | **Bằng cấp** |
| 9/1991-7/1995 | Đại học kinh tế quốc dân | Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh |
| 9/1996-7/2000 | Đại học quốc gia Hà Nội | Cử nhân ngoại ngữ (Tiếng Anh) |
| 11/2006-11/2008 | Viện quản trị kinh doanh | Thạc sỹ quản trị kinh doanh MBA |
| 04/2009 | Trung tâm đào tạo Ủy ban chứng khoán nhà nước | Chứng chỉ hành nghề Tư vấn tài chính doanh nghiệpcấp ngày 23/4/2009 |

**4. Quá trình công tác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức vụ** | **Tên tổ chức** |
| 7/1995 – 6/2000 | Phụ trách phòng kinh doanh xuất nhập khẩu | Công ty Dệt kim Hà Nội |
| 9/2000 – 3/2007 | Giám sát viên phòng kế toán tuân thủ | Ngân hàng Mizuho Hà Nội |
| 6/2007 – 6/2008 | Cán bộ phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp | Công ty cổ phần Chứng khoán Tràng An |
| 7/2008 – 8/2012 | Chuyên viên Ban Quản lý vốn đầu tư 4 | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) |
| 8/2012 – 6/2015 | Phó ban phụ trách - Ban Quản lý vốn đầu tư 4 | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) |
| 6/2015 – nay  | Phó trưởng ban - Ban Đầu tư 3 | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) |

**5. Lợi ích liên quan đến công ty**

* Là đại diện của Cổ đông lớn: Công ty kinh doanh vốn nhà nước SCIC

**6. Khen thưởng:**

* Bằng khen Bộ trưởng Bộ Tài chính cho thành tích năm 2015 theo Quyết định số 1402/QĐ-BTC ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN**

**ỨNG VIÊN HĐQT**

Nguyễn Hồng Hiển

**1. Thông tin cá nhân**

* Họ và tên: Nguyễn Hồng Hiển
* Ngày tháng năm sinh: 06/02/1974
* Quốc tịch: Việt Nam

**2. Các chức vụ hiện nay:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Tổ chức** | **Vị trí***(Các vị trí trong HĐQT, Ban Điều hành/Ban Giám đốc)* | **Ngày tháng bắt đầu nắm giữ** |
| 1 | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước | Phó Tổng giám đốc | Hiện nay |
| 2 | CTCP TRAPHARCO | Thành viên HĐQT | 3/2014 |
| 3 | CTCP Viễn thông FPT | Thành viên HĐQT | 12/2014 |

**3. Trình độ chuyên môn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Trường/Nơi đào tạo** | **Bằng cấp** |
| 6/1990 – 6/1994  | Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội | Cử nhân Luật học |
| 9/1994 – 12/1997 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Cử nhân Kinh tế |
| 7/2000 – 9/2001 | Trường Queen Mary, Đại học tổng hợp Luân Đôn | Thạc sỹ Luật học |
| 10/2005-8/2006 | Học viện Chính trị Quốc gia, Phân viện Hà Nội | Bằng cao cấp lý luận chính trị |

**4. Quá trình công tác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức vụ** | **Tên tổ chức** |
| 6/1998 – 10/2003 | Thư ký Thứ trưởng/Cục trưởngTrưởng Phòng Tổng hợp  | Cục Hàng Không - Bộ Giao thông vận tải |
| 10/2003 – 2/2007  | Người phát ngôn của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.Trưởng phòng Thông tin tuyên truyền  | Bộ Giao thông vận tải |
| 03/2007 - nay | Chánh văn phòngTrưởng Ban kế hoạch tổng hợpTrưởng Ban Đầu tư 4Phó Tổng Giám đốc  | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước |
| 5/2008 – 12/2014 | Thành viên HĐQT | CTCP Đầu tư Việt Nam - Oman |
| 5/2012 – 2/2016 | Thành viên HĐQT | CTCP Du lịch Kim Liên |
| 6/2012 – 11/2014 | Thành viên HĐQT | TCT Cổ phần Điện Tử và Tin học Việt Nam |
| 6/2012 – 6/2015 | Chủ tịch HĐQT | CTCP Du lịch Việt Nam tại Hà Nội |
| 4/2013 – 11/2014 | Thành viên HĐQT | CTCP Hóa chất |
| 5/2013 – 5/2016 | Thành viên HĐQT | CTCP Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội |
| 4/2014 – 4/2017 | Thành viên HĐQT | CTCP Tư vấn đầu tư và Đầu tư Việt Nam |
| 12/2014 – nay | Thành viên HĐQT | CTCP Viễn thông FPT |
| 3/2016 – nay | Thành viên HĐQT | CTCP TRAPHARCO |

**5. Lợi ích liên quan đến công ty**

* Là đại diện của Cổ đông lớn: Công ty kinh doanh vốn nhà nước SCIC

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN**

**ỨNG VIÊN HĐQT**

Đỗ Lê Hùng

**1. Thông tin cá nhân**

* Họ và tên: Đỗ Lê Hùng
* Ngày tháng năm sinh: 09/06/1969
* Quốc tịch: Việt Nam

**2. Trình độ chuyên môn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Trường/Nơi đào tạo** | **Bằng cấp** |
| 1986-1990 | Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội (Học viện Tài chính) | Bằng cử nhân tài chính, kế toán |
| 1994 | Dự án quản lý tài chính công Pháp - Việt | Chứng chỉ quản lý tài chính công |
| 1994-1995 | Trường Kho bạc quốc gia - Cộng hòa Pháp | Bằng thanh tra kho bạc |
| 1997 | Đại học Paris – Dauphine - Cộng hòa Pháp | Chứng chỉ kế toán, kiểm toán |
| 1998-2000 | Trường hành chính quốc gia - Cộng hòa Pháp | - Bằng tốt nghiệp quản lý công- Bằng thạc sỹ quản lý công |
| 2005 | Đại học Queensland - Australia | Chứng chỉ quản lý tài chính công |
| 2015 | PwC Việt Nam | Chứng chỉ kiểm soát nội bộ và phòng ngừa gian lận |

**3. Quá trình công tác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức vụ** | **Tên tổ chức** |
| 1991-2002 | Chuyên viên, chuyên viên chính kế toán kho bạc | Vụ Kế toán - Kho bạc Nhà nước – Bộ Tài chính |
| 04/2002-12/2007 | Phó Vụ trưởng | Vụ Kế toán – Kho bạc Nhà nước – Bộ Tài chính |
| 03/2008-12/2016 | Giám đốc Kiểm toán và Kiểm soát nội bộ | Big C Việt Nam |

**4. Khen thưởng:**

* Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2006) và nhiều Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính (1997, 2003, 2004, 2005).

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN**

**ỨNG VIÊN HĐQT**

Lee Meng Tat

**1. Thông tin cá nhân**

* Họ và tên: Lee Meng Tat
* Ngày tháng năm sinh: 10/06/1963
* Quốc tịch: Singapore

**2. Các chức vụ hiện nay:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Tổ chức** | **Vị trí***(Các vị trí trong HĐQT, Ban Điều hành/Ban Giám đốc)* | **Ngày tháng bắt đầu nắm giữ** |
| 1 | Fraser & Neave Holding Bhd | Chủ tịch Ủy ban điều hành Tập đoàn | 01/10/2015 |
| 2 | Vietnam Dairy Product Joint Stock Company (Vinamilk) | Thành viên HĐQT không điều hành | 01/09/2016 |
| 3 | Thai Drink Co. Ltd | Thành viên HĐQT | 09/06/2015 |
| 4 | Yoke Food Industries Sdn Bhd | Thành viên HĐQT | 27/07/2015 |
| 5 | Lee Fah Marketing Sdn Bhd | Thành viên HĐQT | 27/07/2015 |
| 6 | PT Yoke Food Industries Indonesia  | Thành viên HĐQT | 27/07/2015 |

**3. Trình độ chuyên môn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Trường/Nơi đào tạo** | **Bằng cấp** |
| 2005 | Harvard Business School | Chương trình quản trị cao cấp (AMP) |
| 1997 | Imperial College, London | Thạc sĩ về Quản trị công ty (MBA) |
| 1988 | National University of Singapore | Cử nhân Kỹ sư (Cơ khí) |
| 1981 & 1979 | Raffles Institution, Singapore | GCE ‘A’ (1981) và ‘O’ Levels (1979) |

**4. Quá trình công tác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức vụ** | **Tên tổ chức** |
| 05/15 - Hiện nay  | Tổng giám đốc, Nước giải khát không cồn (NAB) | **Fraser and Neave, Limited** |
| 05/12 – 04/15  | Tổng giám đốc | **Wildlife Reserves Singapore Group** |
| 10/99 – 03/12  | Giám đốc điều hành Khối phát triển doanh nghiệp , Bộ phận thực phẩm và nước giải khátTổng giám đốc, ChinaĐồng thời là Giám đốc khu vực,Trung Quốc (tại Thưởng Hải)Phó Chủ tịch & Phó Giám đốc,Dịch vụ giáo dục; Giám đốc Điều hành Khối doanh nghiệp (dự án)Phó chủ tịch (E-business & Operations)Giám đốc cấp cao, Phát triển đầu tư mới | **Fraser and Neave Group**Fraser and Neave, Limited (Jan 10-Mar 12)Heineken-APB (China) Management Services Co. Ltd (Jul 02-Dec 09)Asia Pacific Breweries Ltd (Jul 02-Dec 09)Times Publishing Ltd (May 01-Jun 02)Fannet Online Pte Ltd (May 00-Apr 01)Fraser and Neave, Limited (Oct 99-Feb 00) |
| 11/97 – 09/09 | Phó tổng giám đốc | **Sembawang Leisure Pte Ltd** |
| 04/93 – 09/96 | Phó giám đốc, Khối Du lịch khu vựcPhó Giám đốc, Phát triển kinh doanh quốc tế | **Singapore Economic Development Board**Singapore Tourism Board (Sep 94-Sep 96)Singapore Economic Development Board (Apr 93-Aug 94) |
| 10/91 – 03/93 | Chủ sở hữu | **Wokabout Pte Ltd** |
| 04/88 – 09/91  | Phó Giám đốc Ngân Quỹ, Khối dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp | **DBS Bank Ltd** |

**5. Lợi ích liên quan đến công ty**

* Là đại diện của Cổ đông lớn: CEO, Nước uống không cồn của Fraser and Neave, Limited. Tại thời điểm 17/3/2017, Fraser and Neave, Limited Group sở hữu 17.88% trong Vinamilk

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN**

**ỨNG VIÊN HĐQT**

Lê Thành Liêm

**1. Thông tin cá nhân**

* Họ và tên: Lê Thành Liêm
* Ngày tháng năm sinh: 22/08/1973
* Quốc tịch: Việt Nam

**2. Các chức vụ hiện nay:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Tổ chức** | **Vị trí***(Các vị trí trong HĐQT, Ban Điều hành/Ban Giám đốc)* | **Ngày tháng bắt đầu nắm giữ** |
| 1 | Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) | Q.GĐĐH Tài chính kiêm Kế toán trưởng | 2015 |

**3. Trình độ chuyên môn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Trường/Nơi đào tạo** | **Bằng cấp** |
| 09/1990 – 09/1004 | Đại học Tài chính Kế toán TP. HCM | Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán tài chính các doanh nghiệp |
| 09/2010 – 02/2012 | Đại học LEEDS METROPOLITAN (Vương quốc Anh)/Học viện Tài chính | Thạc sỹ Tài chính và Thương mại Quốc tế |

**4. Quá trình công tác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức vụ** | **Tên tổ chức** |
| 09/1004 – 01/2003 | Nhân viên Kế toán-Giá thành-Tổng hợp | Công ty Sữa Việt Nam |
| 01/2003 – 02/2005 | Phó phòng Kế toán | Công ty CP Sữa Việt Nam |
| 02/2005 – 12/2015 | Kế toán trưởng | Công ty CP Sữa Việt Nam |
| 12/2015 - nay | Q.GĐĐH Tài chính kiêm Kế toán trưởng | Công ty CP Sữa Việt Nam |

**5. Lợi ích liên quan đến công ty**

* Là Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty Sữa Việt Nam Vinamilk

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN**

**ỨNG VIÊN HĐQT**

Mai Kiều Liên

**1. Thông tin cá nhân**

* Họ và tên: Mai Kiều Liên
* Ngày tháng năm sinh: 01/09/1953
* Quốc tịch: Việt Nam

**2. Các chức vụ hiện nay:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Tổ chức** | **Vị trí***(Các vị trí trong HĐQT, Ban Điều hành/Ban Giám đốc)* | **Ngày tháng bắt đầu nắm giữ** |
| 1 | Công ty cỗ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) | Tổng Giám Đốc | 12/1992 |

**3. Trình độ chuyên môn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Trường/Nơi đào tạo** | **Bằng cấp** |
|  |  | Kỹ sư công nghệ chế biến sữa  |
| 9/1983 -6/1984  | Đại học Kinh tế Tài chính Leningrat, Liên Xô | Quản lý kinh tế  |

**4. Quá trình công tác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức vụ** | **Tên tổ chức** |
| 8/1976 -8/1980 | Kỹ sư-Phụ trách khối SX sữa đặc và sữa chua  | NM Sữa Trường Thọ |
| 8/1980 -02/1982 | Kỹ sư Công nghệ-PhòngKỹ thuật | XNLH Sữa Cà phê Bánh kẹo I. |
| 02/1982 -9/1983 | Trợ lý Giám đốc, Phó Giám đốc kỹ thuật  | NM Sữa Thống Nhất |
| 9/1983 -6/1984  | Học Quản lý kinh  | Đại học Kinh tế Tài chính Leningrat, Liên Xô |
| 7/1984 -11/1992  | Phó Tổng giám đốc  | Công ty Sữa Việt Nam |
| 12/1992 đến nay | Tổng Giám đốc | Công ty Sữa Việt Nam |

**5. Lợi ích liên quan đến công ty**

* Là Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN**

**ỨNG VIÊN HĐQT**

Lê Thị Băng Tâm

**1. Thông tin cá nhân**

* Họ và tên: Lê Thị Băng Tâm
* Ngày tháng năm sinh: 16/04/1947
* Quốc tịch: Việt Nam

**2. Các chức vụ hiện nay:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Tổ chức** | **Vị trí***(Các vị trí trong HĐQT, Ban Điều hành/Ban Giám đốc)* | **Ngày tháng bắt đầu nắm giữ** |
| 1 | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Nhà Tp.Hcm  | Chủ tịch HĐQT | 12/6/2010 |
| 2 | Công ty cỗ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) | Chủ tịch HĐQT | 7/2015 |

**3. Trình độ chuyên môn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Trường/Nơi đào tạo** | **Bằng cấp** |
| 1969 | Đại học Tài chính Kế toán, Hà Nội | Cử nhân Tài chính Kế toán |
| 1987 – 1989 | Đại học Kinh tế Tài chính Leningrat, Liên Xô | Tiến sỹ Kinh tế |
| 2001 | Trường Noth University London, Anh Quốc | Chứng chỉ tài chính quốc tế |

**4. Quá trình công tác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức vụ** | **Tên tổ chức** |
| 1969 – 10/1974 | Giảng viên | Đại học Tài chính Kế toán, Hà Nội |
| 1974 – 1982 | Cán bộ, Phó trưởng phòng | Vụ Cân đối tài chính – Bộ Tài chính |
| 1982 – 1984 | Học quản lý kinh tế | Đại học Kinh tế Tài chính Leningrat, Liên Xô |
| 1984 – 1985 | Phó trường phòng | Vụ cân đối tài chính – Bộ Tài chính |
| 1985 – 1987 | Phó vụ trưởng | Vụ tổ chức cán bộ và đào tạo |
| 1987 – 1989  | Nghiên cứu sinh | Đại học Kinh tế Tài chính Leningrat, Liên Xô |
| 1989 – 1995  | Phó cục trưởng, Cục trưởng, Tổng Giám đốc | Kho bạc nhà nước Trung ương |
| 1995 – 2006  | Thứ trưởng - Ủy viên Ban cán sự | Bộ Tài chính |
| 2006 – 2008  | Chủ tịch HĐQT | Tổng công ty đầu tư và kinh doanh VỐn nhà nước |
| 2008 – nay  | Nghỉ hưu và làm tư vấn tài chính cao cấp cho một số tở chức tài chính |  |
| 15/3/2010 – 11/6/2010  | Thành viên HĐQT | Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HD Bank) |
| 12/6/2010 – nay | Chủ tịch HĐQT | Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HD Bank) |

**5. Khen thưởng:**

* Khen thưởng, kỷ luật (nếu có): Huân chương lao động hạng II, Nhiều bằng khen của Chính phủ và Bộ trưởng, Các danh hiệu về thành tích đối ngoại, xây dựng chính sách, khoa học , phụ nữ...